TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Duy.

2. Ông Phùng Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 520/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Đ – sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Ông Võ Thành K – sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà Đ có mặt tại phiên tòa;

Ông K vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hoà giải không được nguyên đơn bà Đoàn Thị Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988

và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 28/7/2004. Quá trình chung sống đến năm 2000 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho vợ con và ông K thường xuyên đánh đập bà, mâu thuẫn giữa bà và ông K phát sinh ngày càng trầm trọng, đến cuối năm 2021 thì bà và ông K ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung tên Võ Đức H – sinh ngày 27/12/1989 và Võ Thị Ngọc D – sinh ngày 11/12/1992. Hiện nay cả 02 con chung đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Võ Thị H1 không phải là con chung của bà với ông K mà H1 là con riêng của ông K với bà Bé S, bà chỉ là người nuôi H1 từ lúc mới sinh cho đến khi H1 lớn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong bản tự khai bị đơn ông Võ Thành K trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Đoàn Thị Đ.

- Về con chung: Có 03 con chung gồm Võ Đức H, Võ Thị Ngọc D, Võ Thị H1. Hiện cả 03 con đã trưởng thành và đủ khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Có nhưng ông không nhận, ông để lại cho con.

* **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông K. Về con chung, bà và ông K có 02 con chung đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Đ yêu cầu ly hôn với ông K, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn ông K không tham gia hoà giải và không tham dự phiên toà mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông K.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đ đối với ông K, Hội đồng xét xử xét thấy bà Đ và ông K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 28/7/2004 nên hôn nhân giữa bà Đ và ông K là hợp pháp. Quá trình chung sống, bà Đ và ông K phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến năm 2021 bà Đ

và ông K ly thân. Nay bà Đ xin ly hôn với ông K và bị đơn ông K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Đ và ông K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ đối với ông K.

[4] Về con chung: Bà Đ trình bày giữa bà và ông K có 02 con chung tên Võ Đức H – sinh ngày 27/12/1989 và Võ Thị Ngọc D – sinh ngày 11/12/1992, còn Võ Thị H1 là con riêng của ông K. Bị đơn ông K trình bày giữa ông và bà Đ có 03 con chung gồm Võ Đức H, Võ Thị Ngọc D1 và Võ Thị H1. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy khai sinh của chị Võ Thị H1 thì họ tên cha là Võ Thành K và họ tên mẹ là Trần Thị Bé S1. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà Đ và ông K có 02 người con chung tên Võ Đức H và Võ Thị Ngọc D. Bà Đ và ông K xác định cả 02 con chung đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Đ trình bày giữa bà và ông K không có tài sản chung. Phía bị đơn ông K trình bày giữa ông và bà Đ có tài sản chung nhưng ông không nhận và để lại cho con. Do các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Đ trình bày giữa bà và ông K không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị Đ đối với ông Võ Thành K.

Bà Đoàn Thị Đ được ly hôn với ông Võ Thành K.

2/ Về án phí: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 0011958 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên bà Đ đã thi hành xong.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đ được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông K được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh